

Hà Đông, ngày 06 tháng 7 năm 2022

Số: 478/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 54, 55, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 458/2022/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Chị Nguyễn Thị T1, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1988.

Hộ khẩu thường trú: Xóm V, xã N, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Trú tại: số nhà 2 ngách 87 Ngõ 639 đường H, phường V, quận B, thành phố Hà Nội

Anh Phạm Thanh T2, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1983.

Hộ khẩu thường trú và trú tại: Số 80 ngách 44 tổ 8 phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hai bên xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Nguyễn Thị T1 và anh Phạm Thanh T2 cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T1 và anh Phạm Thanh T2 thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung:

- Cháu Phạm Thị Hồng Y, sinh ngày 13/12/2008

- Cháu Phạm Bình A, sinh ngày 03/01/2018.

Hiện nay cả hai cháu sức khỏe bình thường, chị T1 không có thai. Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất để anh Phạm Thanh T2 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Phạm Thị Hồng Y, chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Phạm Bình A kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị T1 và anh T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục không ai được phép cản trở.

Về phân cấp dưỡng: Chị T1 và anh T2 tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Chị T1 và anh T2 đều thống nhất trình bày vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4]. Về vay nợ chung: Chị T1 và anh T2 đều thống nhất trình bày vợ chồng không có vay nợ chung.

[5]. Về lệ phí: Chị T1 và anh T2 thống nhất thỏa thuận chị T1 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí việc Hôn nhân và gia đình.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T1 và anh Phạm Thanh T2 thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị T1 và anh Phạm Thanh T2 thống nhất xác nhận vợ chồng có 02 con chung:

Cháu Phạm Thị Hồng Y, sinh ngày 13/12/2008

Cháu Phạm Bình A, sinh ngày 03/01/2018.

Hiện nay cả hai cháu sức khỏe bình thường, chị T1 không có thai. Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất để anh Phạm Thanh T2 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Phạm Thị Hồng Y, chị Nguyễn Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Phạm Bình A kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị T1 và anh T2 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục không ai được phép cản trở.

Về phân cấp dưỡng: chị T1 và anh T2 tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* chị T1 và anh T2 đều thống nhất trình bày vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* chị T1 và anh T2 đều thống nhất trình bày vợ chồng không có vay nợ chung.

2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T1 tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình (Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T1 đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010250 ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thanh Huyền